

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 6 năm 2022

ĐIỂM THI

PHẦN V.2: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG Ở CƠ SỞ
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 54, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Hà Tuấn Anh	1	05	7,5	Bảy rưỡi	
2	Đinh Tuấn Anh	2	79	7,5	Bảy rưỡi	
3	Đặng Thị Lan Anh	3	28	7,0	Bảy	
4	Nguyễn Thị Lan Anh	4	70	7,5	Bảy rưỡi	
5	Nguyễn Tuấn Anh	5	26	8,0	Tám	
6	Nguyễn Thị Bích	6	74	8,0	Tám	
7	Mai Ngọc Bình	7	35	6,5	Sáu rưỡi	
8	Phạm Thái Bình	8	38	6,5	Sáu rưỡi	
9	Lê Bá Chức	9	32	6,5	Sáu rưỡi	
10	Đỗ Hoàng Chung	10	-	-	-	Vắng thi
11	Dương Văn Cường	11	71	8,0	Tám	
12	Nguyễn Mạnh Cường	12	58	8,0	Tám	
13	Trần Ngọc Diệp	13	-	-	-	Vắng thi
14	Nguyễn Sóng Gió	14	03	8,0	Tám	
15	Đỗ Thái Hà	15	53	7,0	Bảy	
16	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	16	60	8,0	Tám	
17	Bùi Thị Minh Hằng	17	-	-	-	Vắng thi
18	Lê Trung Hiếu	18	06	7,0	Bảy	
19	Lê Văn Hiếu	19	21	7,5	Bảy rưỡi	
20	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	20	51	8,0	Tám	
21	Đặng Văn Hoan	21	59	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
22	Chu Việt Hoàng	22	11	8,0	Tám	
23	Phạm Huy Hoàng	23	04	7,0	Bảy	
24	Nguyễn Thị Hồng	24	56	7,0	Bảy	
25	Nguyễn Bích Huệ	25	33	8,0	Tám	
26	Nguyễn Thị Huệ	26	41	8,0	Tám	
27	Dương Việt Hùng	27	75	7,0	Bảy	
28	Nguyễn Mạnh Hùng	28	24	6,5	Sáu rưỡi	
29	Trần Văn Hùng	29	36	7,5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Tuấn Hùng	30	-	-	-	Vắng thi
31	Nguyễn Quốc Hưng	31	76	7,0	Bảy	
32	Lê Thị Thu Hương	32	27	7,5	Bảy rưỡi	
33	Tô Thị Lan Hương	33	39	7,5	Bảy rưỡi	
34	Nguyễn Thị Hương	34	61	8,0	Tám	
35	Nguyễn Thu Hường	35	62	7,5	Bảy rưỡi	
36	Nguyễn Thị Xuân Hường	36	07	7,0	Bảy	
37	Nguyễn Thị Huyền	37	55	7,5	Bảy rưỡi	
38	Nguyễn Thị Mai Linh	38	72	7,5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Thị Thùy Linh	39	14	8,0	Tám	
40	Nguyễn Quang Linh	40	40	7,0	Bảy	
41	Hoàng Thị Mai Loan	41	29	8,0	Tám	
42	Đàm Thị Yến Ly	42	37	7,0	Bảy	
43	Đàm Thanh Mai	43	20	8,0	Tám	
44	Bùi Thị Mến	44	49	8,0	Tám	
45	Hoàng Thị Ngọc Mỹ	45	73	8,0	Tám	
46	Khổng Hoàng Nam	46	23	8,0	Tám	
47	Phạm Thị Hồng Nghi	47	09	7,0	Bảy	
48	Hoàng Ngọc	48	45	8,0	Tám	
49	Hoàng Thị Thảo Nguyên	49	50	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
50	Lê Thanh Nguyên	50	19	7,0	Bảy	
51	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	51	64	8,0	Tám	
52	Cao Thị Thanh Phương	52		-	-	Vắng thi
53	Nguyễn Văn Quyền	53	69	7,5	Bảy rưỡi	
54	Hoàng Thị Quỳnh	54	22	8,0	Tám	
55	Phạm Thị Tâm	55	77	8,0	Tám	
56	Hà Đức Tân	56	78	7,5	Bảy rưỡi	
57	Lưu Hồng Thái	57	31	7,0	Bảy	
58	Hoàng Thị Thanh	58	43	8,0	Tám	
59	Ngô Thị Thảo	59	44	7,0	Bảy	
60	Ngô Thu Thảo	60	42	8,0	Tám	
61	Nguyễn Thị Phương Thảo-1981	61	66	7,0	Bảy	
62	Nguyễn Thị Phương Thảo	62	48	8,0	Tám	
63	Phạm Đình Thiết	63	46	7,0	Bảy	
64	Dương Hữu Thuận	64	47	7,5	Bảy rưỡi	
65	Bạch Hương Thủy	65	52	8,0	Tám	
66	Nguyễn Thị Thu Thủy	66	18	7,5	Bảy rưỡi	
67	Tơ Thị Thủy	67	02	7,0	Bảy	
68	Trần Anh Tiến	68	16	7,0	Bảy	
69	Ngô Thị Huyền Trang	69	65	7,0	Bảy	
70	Triệu Quốc Tráng	70	10	7,0	Bảy	
71	Dương Quốc Trưởng	71	01	7,5	Bảy rưỡi	
72	Dương Minh Tuấn	72	13	6,5	Sáu rưỡi	
73	Nguyễn Mạnh Tuấn	73	34	7,0	Bảy	
74	Nguyễn Anh Tuấn-1980	74	57	7,5	Bảy rưỡi	
75	Nguyễn Anh Tuấn-1983	75	17	8,0	Tám	
76	Nguyễn Anh Tuấn-1974	76	67	7,5	Bảy rưỡi	
77	Nguyễn Văn Tuấn-1980	77	25	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
78	Nguyễn Văn Tuấn-1977	78	15	6,5	Sáu rưỡi	
79	Trần Thị Tuyết	79	63	7,5	Bảy rưỡi	
80	Phạm Thị Út	80	30	7,0	Bảy	
81	Hoàng Thị Uyên	81	54	7,5	Bảy rưỡi	
82	Dương Xuân Vinh	82	68	7,0	Bảy	
83	Nguyễn Thành Vũ	83	08	7,0	Bảy	
84	Phan Thị Thanh Xuân	84	12	7,5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA XDD
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên